

Số: 3998 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 29 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thành phố Cần Thơ và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3673/TTr-SNV ngày 22 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thành phố Cần Thơ, đã được Đại hội đại biểu nhiệm kỳ (2022 - 2027) của Hội thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2022 (Đính kèm Điều lệ).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thành phố Cần Thơ và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND TP (1AE);
- VP. UBND TP (3BC);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, H

CVD 26604

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hồng



**ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) HỘI BẢO VỆ QUYỀN LỢI
NGƯỜI TIÊU DÙNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3998/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thành phố Cần Thơ.
2. Tên tiếng nước ngoài: Consumers Association of Cantho City.
3. Tên viết tắt: CASCT.
4. Biểu tượng (nếu có):

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thành phố Cần Thơ (sau đây gọi là Hội) là tổ chức xã hội của công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của hội viên; Tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại số 59, đường Hùng Vương, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Cần Thơ, trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật.
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Công Thương và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; Tổ chức hoạt động dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Tham gia hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật. Điều 28 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội, Điều 31 Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định pháp luật có liên quan.
8. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
9. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
10. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao (nếu có).
11. Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực Hội hoạt động.

Điều 7. Nhiệm vụ của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; Thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm

tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, huấn luyện kiến thức chính sách, pháp luật trong lĩnh vực Hội hoạt động cho hội viên, người tiêu dùng và các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu; Hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định, quy tắc của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật. Hướng dẫn tư vấn và giúp đỡ người tiêu dùng tự bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành các quy chế, quy định, quy tắc hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật và quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội.

8. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình hoạt động của Hội đến cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Công dân, pháp nhân Việt Nam có nguyện vọng tham gia hoạt động Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn tham gia Hội có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: Công dân Việt Nam, pháp nhân Việt Nam (bao gồm doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam) có quan tâm đến lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng, có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, có đơn đăng ký tham gia Hội, được Hội xem xét công nhận hội viên liên kết của Hội.

c) Hội viên danh dự: Công dân Việt Nam, pháp nhân Việt Nam không có điều kiện trở thành hội viên chính thức, không sinh hoạt thường xuyên nhưng tâm huyết, ủng hộ và có đóng góp xây dựng, phát triển Hội, tán thành Điều lệ Hội được Hội xem xét, công nhận hoặc mời làm hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị xem xét, truy cứu trách nhiệm hình sự; hoạt động

trong lĩnh vực có liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật; có điều kiện tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội (theo mẫu do Hội quy định).

b) Hội viên tổ chức: Pháp nhân Việt Nam được thành lập, hoạt động trong lĩnh vực có liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật không bao gồm tổ chức có yếu tố nước ngoài) có điều kiện tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội (theo mẫu do Hội quy định) kèm theo bản sao giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và có văn bản cử người đại diện.

Người đại diện hội viên tổ chức tham gia Hội phải có đủ thẩm quyền quyết định những vấn đề đến quyền và nghĩa vụ hội viên khi tham gia Hội. Khi hội viên tổ chức thay đổi người đại diện thì phải thông báo bằng văn bản cho Hội, chậm nhất không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin; được tham gia các sự kiện, hội nghị, hội thảo, tập huấn; Được phổ biến chính sách, pháp luật, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
3. Được tham gia thảo luận, quyết nghị các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; Qua Hội, kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Hội viên chính thức được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử Ban chấp hành và Ban Kiểm tra theo Điều lệ Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
7. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
8. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, các quy chế, quy định, quy tắc của Hội. Thực hiện tôn chỉ mục đích và các chủ trương, nghị quyết của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; Đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Tham gia tuyên truyền, phổ biến về quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng theo quy định của pháp luật; Mở rộng ảnh hưởng và uy tín của Hội; Vận

động các tổ chức, cá nhân hưởng ứng các hoạt động của Hội vì lợi ích người tiêu dùng và chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

5. Tích cực đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng.

6. Tích cực, nghiên cứu học tập để nâng cao trình độ và đẩy mạnh công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

7. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

8. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

1. Hội viên muốn gia nhập hoặc xin ra khỏi Hội phải gửi đơn đến Hội xem xét, giải quyết.

2. Hội viên sẽ bị đưa ra khỏi danh sách hội viên trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện xin ra khỏi Hội;

b) Bị kỷ luật khai trừ ra khỏi Hội;

c) Vi phạm pháp luật hình sự;

d) Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định, quy tắc và các nghị quyết, quyết định của Hội.

3. Ban Chấp hành Hội quy định tiêu chuẩn, thủ tục và thẩm quyền kết nạp hội viên, thủ tục ra Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ .

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng Hội, các ban chuyên môn.

6. Các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đề nghị. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Đại hội hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

2. Thành phần, số lượng đại biểu dự Đại hội do Ban Chấp hành quyết định.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành Hội và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các nghị quyết, quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Hội:

a) Lãnh đạo thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và các hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội. Thông qua văn kiện trình Đại hội, giới thiệu nhân sự cho nhiệm kỳ mới;

c) Quyết định mức thu hội phí và lệ phí gia nhập Hội;

d) Thông qua Báo cáo và phương hướng hoạt động hàng năm;

đ) Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý sử dụng tài chính, tài sản; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng kỷ luật; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội; Quy định tiêu chuẩn, thủ tục và thẩm quyền kết nạp hội viên, thủ tục ra Hội và các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với Điều lệ và pháp luật;

e) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, trong quá trình hoạt động Ban Chấp hành bầu bổ sung ủy viên nhưng không vượt quá 1/3 (một phần ba) số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội bầu ra hoặc bầu bổ sung, thay thế các chức danh lãnh đạo Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành họp định kỳ mỗi năm một lần, kỳ họp bất thường do Ban Thường vụ quyết định triệu tập;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến ủy viên bằng văn bản hoặc email.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ

a) Ban Thường vụ Hội hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp định kỳ sáu tháng một lần. Khi cần thiết có thể họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến ủy viên bằng văn bản hoặc email.

4. Các Nghị quyết, Quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành.

Điều 16. Thường trực Hội

1. Thường trực Hội gồm Chủ tịch, một số Phó Chủ tịch có nhiệm vụ quyền hạn:

a) Giúp Ban Thường vụ điều hành và tổ chức hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Thường vụ.

b) Tổ chức triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành;

c) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Thường vụ.

2. Thường trực Hội hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Thường trực Hội thực hiện chế độ họp giao ban hàng tuần.

Điều 17. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Kiểm tra họp định kỳ mỗi năm họp một lần; có thể họp bất thường theo yêu cầu của Trưởng Ban hoặc của 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Kiểm tra.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội; Nghị quyết Đại hội; Nghị quyết; Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội; tổ chức hoạt động của các đơn vị thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về các hoạt động của Hội. Chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội; Nghị quyết Đại hội; Nghị quyết; Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Hội;

c) Chỉ đạo công tác chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; Ban Thường vụ và Ban Thường trực;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội như: Nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định, quy tắc; Quyết định thành lập đơn vị thuộc Hội; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng phó đơn vị thuộc Hội và các văn bản khác của Hội.;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

Điều 19. Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Số lượng và tiêu chuẩn Phó chủ tịch Hội do Ban Chấp hành quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội, trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền.

2. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

3. Phó Chủ tịch Hội kiêm Tổng Thư ký

a) Chuẩn bị nội dung các kỳ sinh hoạt của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Hội; định kỳ báo cáo Chủ tịch, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về các hoạt động của Hội, lập báo cáo hàng tháng, quý, năm, đột xuất, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội;

b) Giúp Chủ tịch điều hành cụ thể các hoạt động hàng ngày của Văn phòng Hội; theo dõi các tổ chức trực thuộc, các tổ chức thành viên. Quản lý tài chính, tài sản, con dấu của Hội.

Điều 20. Văn phòng, các ban chuyên môn

1. Văn phòng là bộ máy giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, trực tiếp quản lý tài sản và tài chính của Hội, hoạt động theo Quy chế của Hội và quy định cụ thể của Ban Thường vụ, chịu sự chỉ đạo của Chủ tịch và điều hành cụ thể của Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký.

2. Các Ban chuyên môn là bộ phận giúp việc cho Hội theo lĩnh vực, chịu sự chỉ đạo của Chủ tịch; hoạt động theo các Quy chế của Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể, phải tiến hành kiểm kê tài sản, tài chính và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định pháp luật.
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội:

Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội được quản lý, sử dụng theo Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

3. Báo cáo tài chính được thực hiện trong hội nghị Ban Chấp hành hàng năm và trong Đại hội nhiệm kỳ.

4. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế khen thưởng, kỷ luật; quy định cụ thể tiêu chuẩn, hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; Điều lệ, quy chế, quy định, quy tắc hoạt động của Hội làm tổn hại đến uy tín của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức (nếu có), xóa tên, khai trừ hoặc bị giải thể (đối với tổ chức). Nếu gây thiệt hại về tài sản, tài chính thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong nội bộ Hội theo quy định của Điều lệ Hội và pháp luật. Ban Chấp hành quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thành phố Cần Thơ mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thành phố Cần Thơ gồm 8 Chương, 27 Điều đã được Đại hội Đại biểu lần thứ IV Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thành phố Cần Thơ thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2022 tại thành phố Cần Thơ và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thành phố Cần Thơ có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.